

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 583/2023/HC-PT
Ngày 25 tháng 7 năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*V/v “Khiếu kiện quyết định thu hồi đất;
quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định
cư; quyết định giải quyết khiếu nại;
quyết định cưỡng chế thu hồi đất; quyết
định giao đất và yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 155/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 3 năm 2023 “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quyết định giải quyết khiếu nại; quyết định cưỡng chế thu hồi đất; quyết định giao đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2022/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 510/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Văn V, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ Ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ Thôn 1, xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

2. Ông Trần Văn S, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Xã Xuân Thương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P: Ông Trần Quang L- Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (có mặt)

Địa chỉ: Số 04 đường 30/4, khu phố 2, phường D, thành phố P, tỉnh K.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Minh T, chức vụ: Chủ tịch.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh N, chức vụ: Phó Chủ tịch (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 06 đường N, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Quách Văn T, chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K (vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa).

5. Ban Quản lý khu kinh tế P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Trưởng ban (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 17 đường N, khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Danh Thị Hoa, sinh năm 1969 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn V, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ Ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh K.

2. Ủy ban nhân dân xã D, thành phố P, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn N, chức vụ: Chủ tịch (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cửa Lấp, xã D, thành phố P, tỉnh K.

3. Vườn Quốc gia P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 01 đường N, khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh K.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Phú Gia P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Mạnh C, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Tiến H, chức vụ: Phó Ban Quản lý dự án (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 41 đường H, xã D, thành phố P, tỉnh K.

5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thiên Ngân P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Phước, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H Văn Giảng, chức vụ Phó Ban Quản lý dự án (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 5 – Khu Du lịch N, ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh K.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Lê Văn V và người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/01/2022 và đơn khởi kiện 17/5/2022 của ông Lê Văn V và trong quá trình giải quyết vụ án, những người đại diện theo ủy quyền cho ông V trình bày:

Ông Lê Văn V có diện tích đất 128.000m² tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh K đất này có nguồn gốc do ông V và vợ bà Danh Thị Hoa khai khẩn năm 1991, sử dụng ổn định liên tục, có cất nhà ở, đào ao nuôi cá, trồng cây, xây dựng kinh tế gia đình, đất không tranh chấp, việc khai hoang chính quyền địa phương biết không có ý kiến phản đối.

Năm 2000, bà Danh Thị Hoa làm giấy sang nhượng cây trồng và công khai hoang đất cho bốn người Phù Sách Vĩ, ông Nguyễn Trọng Thượng, Nguyễn Thánh và ông Lê Minh Nhận có tổng diện tích 79.140m², còn lại gần 50.000m² ông V quản lý sử dụng. Ngày 22/6/2004, ông V có làm đơn xin xác nhận nguồn gốc đất được Trưởng ban nhân dân ấp Đường Bào, chủ tịch UBND xã D nhiệm kỳ 1993-1999 và nhiều cá nhân khác xác nhận.

Ngày 27/10/2011, UBND huyện P ban hành 04 quyết định thu hồi đất đối với ông V gồm: Quyết định số 5113/QĐ-UBND; số 5114/QĐ-UBND; số 5115/QĐ-UBND và số 5116/QĐ-UBND có tổng diện tích 28.260,5m², do chưa đủ diện tích đất, nên đề nghị đo đạc lại.

Ngày 04/9/2013, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P và đại diện UBND xã D đã tiến hành đo phúc tra bổ sung thêm thửa đất 294A diện tích 9.948,63m² của ông V chưa có quyết định thu hồi đất và bồi thường.

Ngày 10/11/2011, UBND huyện P ban hành Quyết định số 5828/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông V số tiền 498.104.600 đồng, nh không bồi thường về đất, không hỗ trợ chuyển đổi nghề (ông V đã nhận tiền).

Ngày 04/3/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số 825/QĐ-UBND bổ sung hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho ông V số tiền 260.186.400 đồng, ông V không nhận và khiếu nại được bồi thường, hỗ trợ 28.260,5m² nh chưa được giải quyết.

Ngoài dự án trên, khi làm đường vòng quanh đảo đoạn A-Cửa Lấp, UBND huyện còn thu hồi 6.061,7m² đất tại Quyết định số 4283/QĐ – UBND ngày 13/09/2013, không bồi thường đất, cây trồng và vật kiến trúc, ông V có khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện P ra Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 giải quyết không chấp nhận. Tiếp đó, ngày 02/6/2016, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 1288/QĐ-UBND giải quyết giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện P.

Ngày 06/8/2018, ông V thuê Công ty TNHH Thuận Qui đo đạc lại, kết quả diện tích đất ông V đang sử dụng 52.633,5 m², trong đó dự án đường vòng quanh đảo đoạn A-Cửa Lấp thu hồi 6.061,7m² đất, dự án du lịch, dân cư N thu hồi 28.260,5m², còn lại 24.373m² chưa có quyết định thu hồi đất và bồi thường.

Ngày 11/3/2020, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với diện tích 28.260,5m², nên ông V khởi kiện đến Tòa án.

Qua giải quyết ông V được biết đất bị thu hồi có một phần Ban Quản lý khu kinh tế P đã cho thuê, UBND tỉnh K đã Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 727999 ngày 10/8/2020 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiên Ngân P.

Ông V yêu cầu giải quyết:

- Hủy Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011; Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 của UBND huyện P về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông V.

- Hủy Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Văn V.

- Hủy Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn V.

- Hủy Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy các Quyết định số 5113/QĐ-UBND, số 5114/QĐ-UBND, số 5115/QĐ-UBND và số 5116/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 và Quyết định số 4283/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với ông Lê Văn V.

- Hủy các quyết định của Ban Quản lý khu kinh tế P gồm: Quyết định số 117/QĐ-BQLPTPQ ngày 30/10/2012 về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia P; Quyết định số 94/QĐ – BQLPTPQ, Quyết định số 90/QĐ – BQLPTPQ ngày 30/06/2014 về việc điều chỉnh Quyết định 117/QĐ-BQLPTPQ; Quyết định số 119/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 11/05/2017 về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất; Quyết định số 209/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 14/11/2018 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư; Quyết định số 136/QĐ-BQLKKTTPQ, Quyết định số 137/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 17/07/2018 về việc cho thuê đất đối với Tập đoàn Geleximco; Quyết định số 75/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 09/4/2019 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư.

- Hủy Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 727999 do UBND tỉnh K cấp ngày 10/8/2020 cho Công ty TNHH đầu tư Thiên Ngân P.

- Buộc UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại chấp nhận yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 28.260,5m² cho ông Lê Văn V theo quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện P ban hành quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 6.061,7m² tại ấp Đ, xã D, huyện P của ông Lê Văn V (thuộc dự án đường vòng quanh đảo đoạn A – Cửa Lấp) theo quy định của pháp luật.

Buộc UBND huyện P thực hiện việc bồi thường đối với diện tích 9.948,3m² tại thửa 294A tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh K mà Nhà nước đã giao cho doanh nghiệp làm dự án Khu du lịch, dân cư N.

Căn cứ pháp luật đề yêu cầu:

Căn cứ khoản 2 Điều 39, Điều 44 Luật Đất đai 2003; Điều 77 Luật Đất đai 2013; điểm c khoản 1 Điều 45, khoản 3 Điều 53, khoản 5 Điều 56 Nghị định 84/2007/NĐ - CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Thời điểm gia đình ông V khai khẩn năm 1991, trong khi UBND tỉnh K giao đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ P năm 1998 là trái với quy định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993.

Căn cứ vào Điều 42, khoản 4 điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì ông V đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất và đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất.

Việc giải quyết khiếu nại chưa dứt điểm, chưa giải quyết hết yêu cầu của ông V, mới chỉ giải quyết một phần đối với diện tích 6.061,7m², có trồng cây lâu năm như dừa khoảng hơn 100 cây dừa, có nhà và nhiều lao động, phần diện tích 28.260,5m² thì đến nay vẫn chưa được giải quyết theo Thông báo thụ lý đơn số 503/TB-UBND ngày 31/5/2013.

Theo văn bản số 171/UBND-NCPC ngày 11/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 của UBND huyện P.

Ngày 12/10/2006, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 1656/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch dân cư Bắc - N, huyện P, tỉnh K (tỷ lệ 1/2000).

Ngày 24/5/2007 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 904/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao UBND huyện P, để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch.

Ngày 08/11/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2180/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường khu vực quy hoạch xây dựng khu du lịch dân cư Bắc - N.

Ngày 20/10/2011 UBND huyện P ban hành Quyết định số 5046/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án.

Ngày 27/10/2011, UBND huyện ban hành các Quyết định số 5113/QĐ-UBND, 5114/QĐ-UBND, 5115/QĐ-UBND, 5116/QĐ-UBND thu hồi đất đối với ông Lê Văn V, tổng diện tích đất 28.260,5m² để thực hiện dự án (các quyết định được triển khai ngày 16/5/2013 cho ông Lê Văn V).

Ngày 10/11/2011 UBND huyện ban hành Quyết định số 5828/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn V số tiền 498.104.600 đồng. Trong đó: Hoa màu: 248.450.000 đồng; Vật kiến trúc: 1.152.000 đồng; Hỗ trợ về đất đai diện tích 13.805,5m²: 248.502.600 đồng. Còn lại diện tích 14.454,8m² không được bồi thường hỗ trợ. Ông V đã nhận tiền (Biên bản chi trả tiền ngày 16/5/2013).

Ngày 13/2/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 777/QĐ-UBND về việc lập phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 04/3/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 825/QĐ-UBND bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông V số tiền 260.186.400 đồng (hỗ trợ phần diện tích đất 14.454,8m²), đã Thông báo số 307/TB-TTPTQĐ ngày 10/3/2015 chi trả tiền, nH ông V không đến nhận.

Xét thấy, Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 của UBND huyện P đã được tổ chức thực hiện. Theo quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính việc khởi kiện của ông V đã hết thời hiệu; Mặt khác, năm 2013 ông V có đơn khiếu nại đến UBND huyện yêu cầu bồi thường, hỗ trợ diện tích 28.260,5m², đã được UBND huyện thụ lý tại Thông báo số 503/TB-UBND ngày 31/5/2013.

Đề nghị giải quyết không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn V.

- *Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Lê Văn V.*

Năm 2015, ông Lê Văn V làm đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 6.061,7m² tại dự án đường vòng quanh đảo đoạn A – Cửa Lấp. Ngày 31/3/2015, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1403/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại và đã triển khai cho ông V ngày 14/4/2015 (*có biên bản kèm theo*), ông V tiếp tục khiếu nại.

Ngày 02/6/2016, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 1288/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần 2), đã triển khai cho ông V 17/6/2016 (*có biên bản kèm theo*).

Các quyết định giải quyết khiếu nại đã triển khai và đã được tổ chức thực hiện. Sau khi nhận quyết định ông V không thực hiện các quyền theo quy định, căn cứ Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, đã hết thời hiệu.

Đề nghị giải quyết không chấp nhận đơn khởi kiện của ông V.

- *Đối với nội dung khởi kiện hủy Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Lê Văn V.*

Ngày 19/4/2017, UBND xã D phối hợp với các ban ngành đoàn thể tổ chức vận động, thuyết phục hộ ông V nhận tiền bồi thường và bàn giao đất để thực hiện dự.

Theo đề nghị của Ban bồi thường, ngày 11/3/2020, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông V để thực hiện dự án và thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 19/6/2020, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức vận động, ông V không chấp hành, không đồng ý bàn giao đất. UBND huyện P chưa tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ông V.

Về trình tự thủ tục thực hiện cưỡng chế đối với ông Lê Văn V là đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Đề nghị giải quyết không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn V.

Văn bản số 1571/UBND-NC ngày 12/11/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K và Văn bản số 945/UBND-NC ngày 13/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh K trình bày:

1. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 về việc giải quyết khiếu nại, của ông Lê Văn V:

- Ông V khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 6.061,7m² là không phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003 vì là đất rừng do Ban Quản lý rừng phòng hộ P quản lý, ông V vào chiếm sử dụng năm 2008 (sau ngày 01/7/2004), việc sử dụng đất của ông V không đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, thuộc trường hợp không được bồi thường về đất.

- Ông V khiếu nại yêu cầu bồi thường vật kiến trúc và cây trồng trên 6.061,7m² đất là không phù hợp quy định tại Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 24 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, vì diện tích đất 6.061,7m² không đủ điều kiện được bồi thường về đất, nên không thuộc trường hợp được bồi thường vật kiến trúc và cây trồng trên đất.

Mặt khác, quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật (Biên bản triển khai ngày 17/6/2016). Theo quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện đã kết thúc.

2. Đối với yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 727999 của UBND tỉnh K cấp ngày 10/8/2020 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiên Ngân P là không có cơ sở, vì:

- Nguồn gốc đất của Tập đoàn Geleximco – Công ty CP tại Dự án khu tổ hợp du lịch P Dream Villas and Resort, khu phức hợp Bãi Trường tại ấp Đ, xã D được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm với diện tích 35.969,2m² đất (đã được giải phóng mặt bằng) sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ.

Ngày 14/11/2018 Ban quản lý khu kinh tế P ban hành Quyết định 209/QĐ-BQLKKTQP điều chỉnh tên chủ đầu tư từ “Tập đoàn Geleximco – Công ty CP” thành “ công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thiên Ngân P”, đến ngày 09/4/2019 Ban Quản lý khu kinh tế P ban hành Quyết định số 75/QĐ-BQLKKTQP điều chỉnh tên chủ đầu tư từ “Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thiên Ngân P” thành “Công ty TNHH Đầu tư Thiên Ngân P. Đến ngày 10/8/2020 UBND tỉnh K cấp Giấy CNQSD đất số CV 727999 cho Công ty TNHH Đầu tư Thiên Ngân P. Việc cấp giấy CNQSD đất trên cơ sở đã có quyết định cho thuê đất và đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013.

Văn bản số 2934/BQLKKTQP-ĐĐ&XD ngày 29/12/2021 Ban Quản lý khu kinh tế P trình bày:

Sau khi cập nhật các tọa độ lần lượt (mục 1, 2, 3, 4 và 5) theo trích đo địa chính thửa đất: số thứ tự thửa đất 303; 304; 301; 294, 105 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập; Trích đo địa chính thửa đất: số thứ tự thửa đất 104

do Ban Bồi thường hỗ trợ tái định cư thành phố P cung cấp thì các khu đất theo các Quyết định thu hồi nằm trong Dự án Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia P; Cty TNHH Đầu tư Thiên Ngân P (trước là Tập Đoàn Gleximco- Cty CP), đã được Ban Quản lý giao đất, cho thuê đất.

Cụ thể, trong tổng diện tích thu hồi đất **34.322,2 m² đất** (Quyết định thu hồi đất số 5113, 5114, 5115, 5116/QĐ-UBND, ngày 27/10/2011; số 4283/QĐ-UBND, ngày 13/9/2013) của Ông Lê Văn V, thì có một phần diện tích khoảng **11.872,16 m²** thuê đất tại Quyết định số 119/QĐ-BQLKKTQP, ngày 11/5/2017; khoảng **2.721,34 m²** đã giao đất tại Quyết định số 90/QĐ-BQLKKTQP, ngày 30/6/2014 của Ban Quản lý Khu kinh tế P cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia P;

Một phần diện tích khoảng **7.281,9 m²** đã thuê đất tại Quyết định số 136, số 137/QĐ-BQLKKTQP, ngày 17/7/2018; Quyết định số 75/QĐ-BQLKKTQP, ngày 09/4/2019 của Ban Quản lý Khu kinh tế P (về điều chỉnh tên Chủ đầu tư tại Quyết định số 209/QĐ-BQLKKTQP, ngày 14/11/2018) cho Cty TNHH Đầu tư Thiên Ngân P (trước là Tập Đoàn Gleximco- Cty CP);

Phần diện tích còn lại khoảng **12.446,8 m²** là đất giao đối ngoại đường Cửa Lấp - A và của Dự án nên không cho công ty thuê.

Thực hiện Luật Đất đai 2003 thu hồi và giao đất trong cùng quyết định, nH khi giải phóng mặt bằng xong mới bàn giao đất cho chủ đầu tư. Liên quan đến tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Báo cáo số 217/BC-TTPTQĐ, ngày 14/10/2015; Báo cáo số 209/BC-BBT, ngày 12/12/2017 của Ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện P thống nhất giao 100% diện tích cho chủ đầu tư quản lý. Đến nay, Ban Quản lý đã bàn giao toàn bộ diện tích đất (100%) Dự án của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia P (theo Quyết định giao đất và thuê đất số 90/QĐ-BQLKKTQP ngày 30/6/2014; số 94/QĐ-BQLPTQP ngày 30/6/2014; số 119/QĐ-BQLKKTQP ngày 11/5/2017).

Liên quan tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các khu đất theo các quyết định nêu trên: Báo cáo số 116/BC-UBND, ngày 09/3/2018 của UBND huyện P về việc công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, tổng diện tích giao đất đến ngày 02/02/2018 là 100%. Đến nay, Ban Quản lý đã bàn giao toàn bộ diện tích đất (100%) Dự án của Công ty.

Ban Quản lý thực hiện việc giao/thuê đất sau khi đã hoàn thành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư... Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Văn bản số 660/VQG-DLST&CHSV ngày 03/11/2020 Vườn Quốc gia P gửi Tòa án:

Vườn Quốc gia P không có ý kiến đối với các bên liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Văn bản số 01/CV-TNPQ ngày 14/01/2022 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thiên Ngân P trình bày:

Công ty được giao/thuê đất của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện dự án, công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, theo đó được cấp giấy CNQSD đất, nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Văn bản số 02-22/CV-TNPQ ngày 15/01/2022 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Phú Gia P trình bày:

Công ty được giao/thuê đất của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện dự án, công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, đến nay chưa được cấp giấy CNQSD đất, nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với Ủy ban nhân dân xã Duong Tơ:

Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, NH không có văn bản trả lời, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án số 123/2022/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh K đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 173, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ các Điều 38, 39, 44 của Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
- Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp;
- Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên;
- Điều 99 Luật Đất đai năm 2013;
- Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V: về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4283/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 về việc thu hồi đất đối với ông Lê Văn V của UBND huyện P; Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện P; Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn V và yêu cầu buộc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất liên quan đến diện tích 6.061,7m² của dự án xây dựng đường vòng quanh đảo đoạn Cửa Lấp – A, do hết thời hiệu khởi kiện.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V: về việc yêu cầu buộc bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 9.948,63m² thuộc thửa số 294A, tọa lạc tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh K và yêu cầu buộc giải quyết khiếu nại

đối với diện tích 28.260,5m² thuộc dự án Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K, do tự nguyện rút yêu cầu.

3. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V.

- Hủy Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 của UBND huyện (nay là thành phố) P về việc bồi thường, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Khu du lịch – Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K;

- Buộc UBND thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất 28.260,5m² cho ông Lê Văn V đã được UBND huyện (nay là thành phố) P thu hồi đất đối với ông Lê Văn V tại các Quyết định số 5113/QĐ-UBND, Quyết định số 5114/QĐ-UBND, Quyết định số 5115/QĐ-UBND và Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 để thực hiện dự án xây dựng Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K. Được trừ lại số tiền 498.104.600 đồng ông Lê Văn V đã nhận tại Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Khu du lịch – Dân cư N tại xã D và thị trấn A huyện P, tỉnh K.

4. Xử bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V về việc: Yêu cầu hủy các Quyết định số 5113/QĐ-UBND, Quyết định số 5114/QĐ-UBND, Quyết định số 5115/QĐ-UBND và Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 về việc thu hồi đất đối với ông Lê Văn V của UBND huyện (nay là thành phố) P để thực hiện dự án xây dựng Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K; Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Lê Văn V của Chủ tịch UBND huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K; các Quyết định số 117/QĐ-BQLTPPQ ngày 30/10/2012 về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia P; Quyết định số 90/QĐ – BQLTPPQ, Quyết định số 94/QĐ – BQLTPPQ ngày 30/6/2014 về việc điều chỉnh Quyết định 117/QĐ-BQLTPPQ; Quyết định số 119/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 11/05/2017 về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất; Quyết định số 209/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 14/11/2018 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư; Quyết định số 136/QĐ-BQLKKTTPQ, Quyết định số 137/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 17/7/2018 về việc cho thuê đất đối với Tập đoàn Geleximco; Quyết định số 75/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 09/4/2019 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư của Ban Quản lý đầu tư phát triển đảo P (nay là ban Quản lý khu kinh tế P); Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 727999 do UBND tỉnh K cấp ngày 10/8/2020 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư Thiên Ngân P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/8/2022, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện ông Huỳnh Quang H kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 25/8/2022, người khởi kiện ông Lê Văn V kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, ông Trần Quang L trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 của UBND huyện (nay là thành phố) P về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê Văn V.

Với các lý do: Ngày 27/10/2011, UBND huyện P ban hành các Quyết định số 5113/QĐ-UBND, số 5114/QĐ-UBND, số 5115/QĐ-UBND và số 5116/QĐ-UBND thu hồi tổng diện tích 28.260,5m² đất đối với ông Lê Văn V để thực hiện dự án (*các quyết định trên đã được triển khai ngày 16/5/2013 cho ông Lê Văn V*). Ngày 10/11/2011, UBND huyện P ban hành Quyết định số 5828/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn V số tiền 498.104.600 đồng (Trong đó: Hoa màu: 248.450.000 đồng; Vật kiến trúc: 1.152.000 đồng; Hỗ trợ về đất đai diện tích 13.805,5m²: 248.502.600 đồng. Còn lại diện tích 14.454,8m² không được bồi thường hỗ trợ). Ông V đã nhận tiền (*Biên bản chi trả tiền ngày 16/5/2013*). Ngày 13/2/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số 777/QĐ-UBND về việc lập phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 04/3/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số 825/QĐ-UBND bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông V số tiền 260.186.400 đồng (hỗ trợ phần diện tích đất 14.454,8m²), đã Thông báo số 307/TB-TTPTQĐ ngày 10/3/2015 chi trả tiền, nH ông V không đến nhận. Như vậy, Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 của UBND huyện P đã được tổ chức thực hiện. Theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính việc khởi kiện của ông V đã hết thời hiệu. Mặt khác, năm 2013 ông V có đơn khiếu nại đến UBND huyện P yêu cầu bồi thường, hỗ trợ diện tích 28.260,5m², đã được UBND huyện P thụ lý tại Thông báo số 503/TB-UBND ngày 31/5/2013. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Lê Văn V.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Nguyễn Đình B, ông Trần Văn S trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 5113/QĐ-UBND, số 5114/QĐ-UBND, số 5115/QĐ-UBND và số 5116/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với ông Lê Văn V; hủy Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng

chế thu hồi đất; hủy Quyết định số 117/QĐ-BQLTPQ ngày 30/10/2012 về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia P, Quyết định số 94/QĐ-BQLTPQ, Quyết định số 90/QĐ-BQLTPQ ngày 30/06/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 117/QĐ-BQLTPQ, Quyết định số 119/QĐ-BQLKKTQP ngày 11/05/2017 về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất, Quyết định số 209/QĐ-BQLKKTQP ngày 14/11/2018 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư, Quyết định số 136/QĐ-BQLKKTQP, Quyết định số 137/QĐ-BQLKKTQP cùng ngày 17/07/2018 về việc cho thuê đất đối với Tập đoàn Geleximco, Quyết định số 75/QĐ-BQLKKTQP ngày 09/4/2019 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư; Hủy Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 727999 do UBND tỉnh K cấp ngày 10/8/2020 cho Công ty TNHH đầu tư Thiên Ngân P.

Với các lý do: Ủy ban nhân dân thành phố P giao đất không đúng quy định. Ông V có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về việc yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất vì sai về thủ tục khi ban hành các quyết định và không có biên bản họp dân. Trường hợp của ông V không thuộc các trường hợp nhà nước thu hồi đất. Các quyết định thu hồi đất ban hành trái quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, Người khởi kiện ông Lê Văn V và người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo đối với bản án sơ thẩm NH không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn V và người bị kiện UBND thành phố P, tỉnh K; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ông Huỳnh Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Quang L tham gia phiên tòa; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh K và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ông Nguyễn Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Quách Văn T vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa nH được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; người bị kiện Ban quản lý khu kinh tế P có người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã D, thành phố P, Vườn Quốc gia P có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư Phú Gia P, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thiên Ngân P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nH vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn V yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất, các quyết định bồi thường, hỗ trợ; quyết định cưỡng chế thu hồi đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các quyết định giao đất, cho thuê đất; yêu cầu buộc ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh K theo quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm đ khoản 3 Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với các phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V: về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4283/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 về việc thu hồi đất đối với ông Lê Văn V của UBND huyện P; Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện P; Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn V và yêu cầu buộc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất liên quan đến diện tích 6.061,7m² của dự án xây dựng đường vòng quanh đảo đoạn Cửa Lấp - A, do hết thời hiệu khởi kiện; Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V: về việc yêu cầu buộc bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 9.948,63m² thuộc thửa số 294A, tọa

lạc tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh K và yêu cầu buộc giải quyết khiếu nại đối với diện tích 28.260,5m² thuộc dự án Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K, do tự nguyện rút yêu cầu.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo đối với phần quyết định nêu trên của bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại đối với các yêu cầu khởi kiện này.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố P, tỉnh K.

[2.2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Đối với yêu khởi kiện của ông Lê Văn V liên quan đến phần đất có diện tích 28.620,5m²: Sau khi nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1491/QĐ-UBND ngày 11/3/2020, ông V đã khởi kiện quyết định này và các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ liên quan đến phần đất 28.620,5m² nêu trên. Mặc dù ông V khiếu nại và được UBND huyện P thụ lý theo Thông báo số 503/TB-UBND ngày 31/5/2013 nH chưa được giải quyết, khi ông V khởi kiện, Tòa án có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của tất cả các quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Trong quá trình giải quyết ông V biết được đất thu hồi đã có các quyết định giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa hết một năm, còn thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, UBND thành phố P kháng cáo cho rằng đã hết thời hiệu là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất

Nguồn gốc diện tích 28.260,5m² đất bị thu hồi nằm trong tổng diện tích khoảng 50.000m² tọa lạc tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh K do vợ chồng ông Lê Văn V, bà Danh Thị Hoa khai hoang rừng tự nhiên từ năm 1991. Quá trình khai hoang sử dụng, vợ chồng ông V có cất chòi để ở, đào ao nuôi cá và trồng cây lâu năm, xây dựng kinh tế gia đình. Việc gia đình ông V sinh sống và có trồng lâu năm trên đất là phù hợp với thực tế sử dụng đất đã được lập vi bằng cũng như tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm. Đồng thời, thành quả là cây trồng, vật kiến trúc trên đất cũng đã được kiểm đếm, ghi nhận và đã được bồi thường tại Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P.

Mặt khác, việc ông V khai hoang, sử dụng đất từ năm 1991 có xác nhận của nhiều người sinh sống lâu năm trong khu vực, trong đó có tổ trưởng tổ tự quản Lê Văn Út, nhiều người nguyên là trưởng ấp và hiện là trưởng ấp gồm các ông Nguyễn Văn Đẹp, Nguyễn Văn Minh, Diệp Bạch Minh, Nguyễn Văn Thao và ông Lê Văn Huệ (nguyên là chủ tịch UBND xã D nhiệm kỳ 1993-1999) xác nhận (BL24,25).

Đồng thời, căn cứ các biên bản ghi lời khai của các ông Đặng Minh Tâm, Trần Văn Nghiệp, Lê Văn Huệ do UBND thành phố P và UBND tỉnh K lập khi giải quyết khiếu nại đối với diện tích đất 6.061,7m² (dự án làm đường quanh đảo đoạn Cửa Lấp - A) thể hiện: Ông V khai khẩn, sử dụng đất từ năm 1991 làm nhà ở, trồng cây, trồng hoa màu, đào ao nuôi cá trên đất. Từ khi khai hoang năm 1991, các cơ quan quản lý đất đai ở địa phương không thu hồi diện tích đất nêu trên đối với ông V và ông V vẫn sử dụng diện tích đất này từ trước năm 1993 đến khi bị cưỡng chế thu hồi để giao đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

Người bị kiện UBND thành phố P kháng cáo cho rằng thời điểm sử dụng đất của gia đình ông Lê Văn V là từ năm 2006-2007 nH lại cho rằng việc sử dụng đất của ông V là lấn chiếm đất rừng, thể hiện bằng việc ông V bị xử phạt số tiền 5.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 106/KL-QĐ ngày 10/9/2003 của Hạt Kiểm lâm P về hành vi bao chiếm đất rừng diện tích 66.000m², là có sự mâu thuẫn. Ngoài ra, biên bản vi phạm hành chính ngày 20/8/2003 của Hạt Kiểm lâm P thể hiện ông V (Diễn) vi phạm lấn chiếm đất rừng hiện trạng là đồng cỏ, trong khi hiện trạng đất ông V sử dụng có thành quả cây trồng, nhà ở, giếng nước, ao nuôi cá và công trình phụ. Đồng thời, việc UBND tỉnh K giao đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ P (nay là Vườn Quốc gia) vào năm 1998, sau thời điểm gia đình ông V khai khẩn năm 1991 và đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất, là trái với quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1993.

[2.2.3] Về điều kiện để được bồi thường khi thu hồi đất

Như đã phân tích ở trên, diện tích 28.260,5m² đất bị thu hồi của ông Lê Văn V có nguồn gốc khai hoang sử dụng từ năm 1991. Quá trình sử dụng đất, ông V sử dụng công khai, ngay tình, không có tranh chấp. Đồng thời, ông V là hộ gia đình trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp. Do đó, hộ ông Lê Văn V thuộc đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất khi thu hồi theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Như vậy, UBND thành phố P thu hồi diện tích 28.260,5m² đất của ông Lê Văn V nH không bồi thường về đất cho ông V là trái với quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V, hủy Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 của UBND huyện (nay là thành phố) P về việc bồi thường, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K; Buộc UBND thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc ban

hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Văn V đối với diện tích 28.260,5m² đất đã được UBND huyện (nay là thành phố) P thu hồi của ông Lê Văn V, theo đúng quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn V.

Đối với yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất: UBND huyện P ban hành Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 08/11/2007, Quyết định số 5046/QĐ-UBND ngày 20/10/2011 thu hồi diện tích đất của ông Lê Văn V là trên cơ sở Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 12/10/2006 của UBND tỉnh K phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch dân cư Bắc và N, là đúng mục đích thu hồi, thẩm quyền thu hồi theo quy định tại Điều 40, Điều 44 Luật đất đai năm 2003.

Đối với yêu cầu khởi kiện các quyết định cho thuê đất của Ban quản lý khu kinh tế P: Trên cơ sở các báo cáo của Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện P, Ban quản lý khu kinh tế P ban hành Quyết định số 117/QĐ-BQLPTPQ ngày 30/10/2012 về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia P, Quyết định số 94/QĐ-BQLPTPQ, Quyết định số 90/QĐ-BQLPTPQ ngày 30/06/2014 về việc điều chỉnh Quyết định số 117/QĐ-BQLPTPQ, Quyết định số 119/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 11/05/2017 về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất, Quyết định số 209/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 14/11/2018 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư, Quyết định số 136/QĐ-BQLKKTTPQ, Quyết định số 137/QĐ-BQLKKTTPQ cùng ngày 17/07/2018 về việc cho thuê đất đối với Tập đoàn Geleximco, Quyết định số 75/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 09/4/2019 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư là phù hợp với quy định tại Điều 53, khoản 3 Điều 151 Luật đất đai 2013 và Điều 7, Điều 9, Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty TNHH đầu tư Thiên Ngân P: Trên cơ sở quyết định cho thuê đất của Ban quản lý khu kinh tế P và doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính nên UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 727999 ngày 10/8/2020 cho Công ty TNHH Đầu tư Thiên Ngân P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và Điều 25 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Mặc dù như đã phân tích ở trên, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P chưa bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng và đúng quy định pháp luật cho ông Lê Văn V đối với phần đất 28.620,5m² NH đã tiến hành các thủ tục thu hồi, cưỡng chế và giao cho doanh nghiệp sử dụng là không đúng trình tự, thủ tục. Tuy nhiên, quá trình khởi kiện, khiếu nại, ông Lê Văn V chỉ yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên với lý do Ủy ban nhân dân huyện P không xem xét bồi thường, hỗ trợ tái định cư thỏa đáng cho ông. Do đó, không cần thiết phải hủy các quyết định

này vẫn đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của ông V. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất, các quyết định cho thuê đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn V và người bị kiện UBND thành phố P, tỉnh K; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Lê Văn V và người bị kiện UBND thành phố P, tỉnh K phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn V và người bị kiện UBND thành phố P, tỉnh K; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V: về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4283/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 về việc thu hồi đất đối với ông Lê Văn V của UBND huyện P; Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện P; Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn V và yêu cầu buộc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất liên quan đến diện tích 6.061,7m² của Dự án xây dựng đường vòng quanh đảo đoạn Cửa Lấp - A, do hết thời hiệu khởi kiện.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V: về việc yêu cầu buộc bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 9.948,63m² thuộc thửa số 294A, tọa lạc tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh K và yêu cầu buộc giải quyết khiếu nại đối với diện tích 28.260,5m² thuộc dự án Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K, do tự nguyện rút yêu cầu.

3. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V.

- Hủy Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 của UBND huyện (nay là thành phố) P về việc bồi thường, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K;

- Buộc UBND thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong việc ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Văn V đối với diện tích 28.260,5m² đất đã được UBND huyện (nay là thành phố) P thu hồi đối với ông Lê Văn V tại các Quyết định số 5113/QĐ-UBND, Quyết định số 5114/QĐ-UBND, Quyết định số 5115/QĐ-UBND và

Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 để thực hiện Dự án xây dựng Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K. Được trừ lại số tiền 498.104.600 đồng ông Lê Văn V đã nhận tại Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn A, huyện P, tỉnh K.

4. Xử bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V về việc: Yêu cầu hủy các Quyết định số 5113/QĐ-UBND, Quyết định số 5114/QĐ-UBND, Quyết định số 5115/QĐ-UBND và Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 về việc thu hồi đất đối với ông Lê Văn V của UBND huyện (nay là thành phố) P để thực hiện dự án xây dựng Khu du lịch - Dân cư N tại xã D và thị trấn (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K; Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Lê Văn V của Chủ tịch UBND huyện (nay là thành phố) P, tỉnh K; các Quyết định số 117/QĐ-BQLTPQ ngày 30/10/2012 về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Gia P; Quyết định số 90/QĐ-BQLTPQ, Quyết định số 94/QĐ-BQLTPQ ngày 30/6/2014 về việc điều chỉnh Quyết định 117/QĐ-BQLTPQ; Quyết định số 119/QĐ-BQLKKTQP ngày 11/05/2017 về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất; Quyết định số 209/QĐ-BQLKKTQP ngày 14/11/2018 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư; Quyết định số 136/QĐ-BQLKKTQP, Quyết định số 137/QĐ-BQLKKTQP ngày 17/7/2018 về việc cho thuê đất đối với Tập đoàn Geleximco; Quyết định số 75/QĐ-BQLKKTQP ngày 09/4/2019 về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư của Ban quản lý đầu tư phát triển đảo P (nay là Ban quản lý khu kinh tế P); Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 727999 do UBND tỉnh K cấp ngày 10/8/2020 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư Thiên Ngân P.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Lê Văn V và người bị kiện UBND thành phố P, tỉnh K mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm NH được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm số 0001985 ngày 21/9/2022 (do bà Hồ Thị Hy Len nộp thay ông Lê Văn V) và 0001982 ngày 20/9/2022 (do ông Võ Ngọc Thạch nộp thay Ủy ban nhân dân thành phố P) của Cục thi hành án nhân dân sự tỉnh K.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh K;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh